

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 21/8/2019

V/v “Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-DS ngày 01/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 162, ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B**.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Văn H** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Văn N (Lê Quang N) – Chức vụ: Phó Giám đốc;

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt, ông H và ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 04/4/2017, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B (HTX) đại diện là ông Võ Văn H (Giám đốc) và ông Lê Văn N (Phó giám đốc) có ký hợp đồng vay của ông số tiền 160.000.000đ; mục đích vay để kinh doanh Hợp tác xã (trả nợ mua máy cày đã đến hạn trả nợ); lãi suất 2,5%/tháng/120.000.000đ và 3%/tháng/40.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng

(kỳ 01 trả 60.000.000đ vào ngày 04/7/2017, kỳ 02 trả 100.000.000đ vào ngày 04/4/2018).

Ngày 25/4/2018, Hợp tác xã có trả cho ông được 40.000.000đ và 9.000.000đ tiền lãi.

Đến ngày 22/12/2018, ông Võ Văn H làm tờ cam kết hẹn đến ngày 20/12/2018 (al) sẽ trả vốn và lãi, nhưng đến ngày hẹn Hợp tác xã vẫn không thực hiện đúng như hai bên đã thỏa thuận. Nay ông yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay là 120.000.000đ và lãi 33.600.000đ, tổng cộng là 153.600.000đ và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông yêu cầu Hợp tác xã trả cho ông số tiền vốn vay là 120.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng tính từ ngày 12/4/2018 cho đến nay và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với bị đơn là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn N đã được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:
- + Hợp đồng vay vốn ngày 04/4/2017 (Bản chính);
- + Giấy cam kết ngày 25/4/2018 (Bản chính);
- + Giấy cam kết ngày 21/10/2018 (Bản chính);
- + Giấy cam kết ngày 22/12/2018 (Bản chính);
- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ là 120.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng từ ngày 12/4/2018 cho đến nay và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Hợp đồng dân sự vay tài sản được xác lập vào ngày 04/4/2017 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Đối với bị đơn là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa ông T xác định trong vụ này ngoài số tiền trên (120.000.000đ) thì ông không tranh chấp số tiền nào khác (số tiền 40.000.000đ và lãi 9.000.000đ Hợp tác xã đã trả cho ông xong nên ông không có tranh chấp) và số tiền này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa và cũng xác định hiện nay Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B vẫn đang còn hoạt động bình thường.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ là 120.000.000đ và lãi 33.600.000đ (2,5%/tháng), tổng cộng là 153.600.000đ và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông yêu cầu Hợp tác xã trả cho ông số tiền vốn vay là 120.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng (không yêu cầu tính lãi 2,5%/tháng) tính từ ngày 12/4/2018 cho đến nay và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Xét việc tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Còn việc ông T yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay là 120.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng tính từ ngày 12/4/2018 cho đến nay (ngày 21/8/2019) là 32.403.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện là có căn cứ, bởi lẽ: Vào ngày 04/4/2017, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có ký hợp đồng vay vốn với ông T về việc vay số tiền vốn là 160.000.000đ; mục đích vay là để sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã (trả nợ mua máy cày đã đến hạn trả nợ); thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 2,5%/tháng/120.000.000đ. Việc Hợp tác xã ký hợp đồng vay vốn với ông T là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi vay thì Hợp tác xã có trả được cho ông T số tiền vốn là 40.000.000đ, còn nợ lại số tiền 120.000.000đ và ông T đã nhiều lần yêu cầu Hợp tác xã trả số tiền còn lại nhưng Hợp tác xã vẫn không trả. Mặt khác, tại giấy cam kết ngày 22/12/2018 ông H (Giám đốc Hợp tác xã) thừa nhận hiện nay Hợp tác xã còn nợ ông T số tiền vốn vay là 120.000.000đ và cam kết đến ngày 25/01/2019 sẽ trả cho ông T. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vốn vay còn nợ là 120.000.000đ và số tiền lãi 32.403.000đ tính từ ngày 12/4/2018 cho đến nay (ngày 21/8/2019) là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

[7] Tại phiên tòa, ông T xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì ông không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ là 120.000.000đ và số tiền lãi là 32.403.000đ, tổng cộng là 152.403.000đ nên Hợp tác xã phải chịu 7.620.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Thảo được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.850.000đ theo biên lai số 0006521 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

- Buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 152.403.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm lẻ ba ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp B phải chịu 7.620.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Thảo được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.850.000đ theo biên lai số 0006521 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh